

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK TPHCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: **Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam**

Mã chứng khoán: TYA

Địa chỉ trụ sở chính: Số 1, đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai.

Điện thoại: 0251-3836361-4

Fax: 0251-3836388

Người thực hiện công bố thông tin: Linh Thín Pau

Chức vụ: Trưởng phòng quản lý chứng khoán

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24 giờ theo yêu cầu:

Nội dung thông tin công bố:

Giải trình và báo cáo tài chính kiểm toán tổng hợp và Trụ sở chính năm 2017 Taya.

Toàn bộ nội dung CBTT này được đăng tải trên Website của công ty từ ngày 16 tháng 03 năm 2018 tại đường link:

<https://drive.google.com/file/d/11XzbtY73ah-uzFt7GhCPS0VXUYX7TNLI/view?usp=sharing>

<https://drive.google.com/file/d/14V4Ywkhd87sioSTptJBqTEmhJ1gzaf2X/view?usp=sharing>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu vp

Người CBTT được ủy quyền



LINH THIN PAU

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM

Tên công ty : Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam
Trụ sở chính : Số 1, đường 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai.
Điện thoại : 0251-3836361-4 Fax : 0251-3836388
Người thực hiện công bố thông tin: Linh Thín Pau
Địa chỉ : Số 1, đường 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai.
Điện thoại : 0251-3836361-4, 01695999025 Fax: 0251-3836388

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam giải trình kết quả báo cáo kiểm toán Trụ sở chính năm 2017 doanh thu tăng 25.08%; lợi nhuận tăng 40.89% so với năm 2016 và số liệu chênh lệch so với báo cáo trước kiểm toán như sau:

So sánh kết quả kinh doanh (Trụ sở chính):

DVT: VND

Nội dung	Năm 2017	Năm 2016	Tăng/giảm	Tăng/giảm %
Doanh thu thuần	1,225,517,124,434	979,772,521,311	245,744,603,123	25.08%
Giá vốn hàng bán	1,111,278,340,879	888,283,170,956	222,995,169,923	25.10%
Lợi nhuận gộp	114,238,783,555	91,489,350,355	22,749,433,200	24.87%
Chi phí tài chính	11,854,664,705	9,533,238,126	2,321,426,579	24.35%
Lợi nhuận HĐKD	72,391,431,772	54,829,997,872	17,561,433,900	32.03%
Lợi nhuận sau thuế	61,601,605,556	43,722,690,957	17,878,914,599	40.89%

I. Giải trình nguyên nhân doanh thu và lợi nhuận giảm: (Trụ sở chính)

So với năm 2016, doanh thu năm 2017 Trụ sở chính công ty tăng 25.08% đạt khoảng 1,225.5 tỷ đồng. Chủ yếu do giá nguyên liệu đồng thế giới LME bình quân năm 2017 gia tăng khoảng USD1,299.5/T so với năm 2016 và thuận lợi trong việc mở rộng thị trường gia tăng tiêu thụ sản phẩm.

Lợi nhuận sau thuế năm 2017 khoảng 61.6 tỷ đồng, tăng 40.89% so với mức 43.7 tỷ đồng của năm 2016.

II. Giải trình chênh lệch số liệu trước và sau báo cáo kiểm toán:

Bảng cân đối kế toán:

- Kiểm toán phân loại lại phải thu ngắn hạn khách hàng(131)209,358,852,973 phát sinh chênh lệch 43,582,145,185 ảnh hưởng các khoản phải thu ngắn hạn (130) điều chỉnh thành 210,310,579,094.
- Kiểm toán điều chỉnh hàng tồn kho(141) 269,909,335,227 phát sinh chênh lệch 251,221,750 ảnh hưởng hàng tồn kho(140) điều chỉnh thành 269,477,756,460. đồng thời làm ảnh hưởng phải trả ngắn hạn (311) điều chỉnh thành 128,700,185,938
- Kiểm toán điều chỉnh thuế TNDNHL (262) 232,598,547 phát sinh chênh lệch 54,593,875 làm điều chỉnh TSDH khác(260)2,086,790,906 ảnh hưởng thuế và các khoản phải nộp nhà nước(313)điều chỉnh thành 1,062,438,167 phát sinh chênh lệch 623,481,849 đồng thời ảnh hưởng lợi nhuận chưa phân phối kỳ này(421b)điều chỉnh thành 61,601,605,556 phát sinh chênh lệch 678,075,724 (678,075,724-623,481,849=54,593,875)

4. Kiểm toán phân loại lại người mua trả trước ngắn hạn(312)11,395,859,096 phát sinh chênh lệch 43,582,145,185 làm nợ ngắn hạn (310) điều chỉnh thành 344,675,727,167.
5. Do phân loại làm ảnh hưởng các số liệu trên làm điều chỉnh LNST 61,601,605,556 phát sinh chênh lệch 678,075,724 làm thay đổi vốn chủ sở hữu thành 436,145,620,375.

Bảng kết quả hoạt động kinh doanh:

1. Kiểm toán phân loại lại thu nhập hoạt động tài chính 8,376,284,337 phát sinh chênh lệch 2,004,446,248 ảnh hưởng chi phí tài chính điều chỉnh thành 11,854,664,705.
2. Do phân loại lại và điều chỉnh các số liệu trên làm ảnh hưởng thay đổi chi phí thuế TNDN hiện hành.

Bảng lưu chuyển tiền tệ:

Do kết quả điều chỉnh và phân loại lại bảng CĐKT và KQHĐKD nêu trên ảnh hưởng làm thay đổi trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ, nhưng không làm thay đổi số liệu tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ.

Công ty cam kết nội dung giải trình trên đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người thực hiện công bố thông tin



Linh Thin Pau

Tổng Giám Đốc



Wang Ting Shu

同泰密計報告



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện
Taya (Việt Nam) –
Trụ sở chính Đồng Nai**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017**



Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số	414/GP	ngày 7 tháng 9 năm 1992
	414/GPĐC	ngày 14 tháng 2 năm 1995
	414/GPĐC1	ngày 31 tháng 10 năm 1995
	414/GPĐC2	ngày 9 tháng 1 năm 1996
	414/GPĐC3	ngày 30 tháng 7 năm 1997
	414/GPĐC4	ngày 19 tháng 9 năm 1997
	414/CPH/GP	ngày 7 tháng 10 năm 2005
	414/CPH/GCNĐC1-BKH	ngày 25 tháng 10 năm 2006
	do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	
	414/GPĐC1-BKH-KCN-DN	ngày 16 tháng 5 năm 2003
	414/GPĐC2-BKH-KCN-DN	ngày 23 tháng 6 năm 2003
	414/GPĐC3-BKH-KCN-DN	ngày 7 tháng 5 năm 2004
	414/GCNĐC2/47/2	ngày 6 tháng 9 năm 2007
	do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp	

Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số	472033000584	ngày 11 tháng 7 năm 2008
	472033000584	ngày 18 tháng 12 năm 2008
	472033000584	ngày 30 tháng 8 năm 2010
	472033000584	ngày 29 tháng 11 năm 2011
	472033000584	ngày 13 tháng 5 năm 2013
	9830011883	ngày 20 tháng 3 năm 2017
	9830011883	ngày 7 tháng 6 năm 2017
do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp		

Các Giấy phép Đầu tư và Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Đầu tư đầu tiên.

Hội đồng Quản trị	Ông Shen Shang Pang	Chủ tịch
	Ông Shen Shang Tao	Phó Chủ tịch
	Ông Shen Shang Hung	Thành viên
	Ông Shen San Yi	Thành viên
	Ông Wang Ting Shu	Thành viên
	Ông Tsai Chung Cheng	Thành viên
	Ông Tu Ting Jui	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Ông Wang Ting Shu	Tổng Giám đốc
	Ông Hsu Ching Yao	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính Khu Công nghiệp Biên Hòa II
Tỉnh Đồng Nai
Việt Nam

Chi nhánh Xã Cẩm Điền
Huyện Cẩm Giàng
Tỉnh Hải Dương
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai (“Trụ sở chính”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Trụ sở chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 30 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Trụ sở chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc cho rằng Trụ sở chính sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 12 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
– Trụ sở chính Đồng Nai**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai (“Trụ sở chính”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính phê duyệt phát hành vào ngày 12 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 6 đến trang 30.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Trụ sở chính liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Trụ sở chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-01-294/01




Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		591.092.544.878	428.876.706.560
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	94.892.516.627	106.553.078.212
Tiền	111		24.892.516.627	26.553.078.212
Các khoản tương đương tiền	112		70.000.000.000	80.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	40.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	40.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		210.310.579.094	139.583.961.758
Phải thu của khách hàng	131	5	209.358.852.973	139.382.765.053
Trả trước cho người bán	132		1.540.693.220	248.274.920
Phải thu khác	136		530.111.113	1.071.999.997
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(1.119.078.212)	(1.119.078.212)
Hàng tồn kho	140	6	269.477.756.460	136.563.239.754
Hàng tồn kho	141		269.909.335.227	137.986.097.924
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(431.578.767)	(1.422.858.170)
Tài sản ngắn hạn khác	150		16.411.692.697	6.176.426.836
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11(a)	1.122.180.686	921.000.015
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	13(a)	15.011.534.011	4.639.574.323
Tài sản ngắn hạn khác	155		277.978.000	615.852.498
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		189.728.802.664	190.601.811.967
Các khoản phải thu dài hạn	210		122.801.647.437	122.801.647.437
Vốn kinh doanh cấp cho chi nhánh	213	7	122.801.647.437	122.801.647.437
Tài sản cố định	220		59.399.337.579	55.368.768.600
Tài sản cố định hữu hình	221	8	58.973.476.779	55.293.168.600
Nguyên giá	222		311.302.681.124	301.627.632.601
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(252.329.204.345)	(246.334.464.001)
Tài sản cố định vô hình	227	9	425.860.800	75.600.000
Nguyên giá	228		1.000.078.800	567.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(574.218.000)	(491.400.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		5.441.026.742	8.815.448.752
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	5.441.026.742	8.815.448.752

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn khác	260		2.086.790.906	3.615.947.178
Chi phí trả trước dài hạn	261	11(b)	1.854.192.359	2.416.222.919
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		232.598.547	1.199.724.259
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		780.821.347.542	619.478.518.527
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		344.675.727.167	222.336.449.907
Nợ ngắn hạn	310		344.675.727.167	222.336.449.907
Phải trả người bán	311	12	128.700.185.938	51.847.185.596
Người mua trả tiền trước	312		11.395.859.096	9.588.558.349
Thuế phải nộp Nhà nước	313	13(b)	1.062.438.167	797.331.870
Phải trả người lao động	314		5.461.957.650	5.230.053.750
Chi phí phải trả	315		1.040.939.129	771.854.318
Phải trả khác	319		188.417.579	176.466.024
Vay ngắn hạn	320	14	196.825.929.608	153.925.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		436.145.620.375	397.142.068.620
Vốn chủ sở hữu	410	15	436.145.620.375	397.142.068.620
Vốn cổ phần	411	16	306.899.450.637	306.899.450.637
Cổ phiếu quỹ	415	16	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ đầu tư và phát triển	418	18	45.058.840.578	37.739.024.524
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		84.460.169.160	52.776.433.459
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		22.858.563.604	9.053.742.502
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		61.601.605.556	43.722.690.957
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		780.821.347.542	619.478.518.527

Ngày 12 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Su Yu Chun
 Su Yu Chun
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

Wang Ting Shu
 Wang Ting Shu
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng	01	20	1.225.517.124.434	979.772.521.311
Giá vốn hàng bán	11	21	1.111.278.340.879	888.283.170.956
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		114.238.783.555	91.489.350.355
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	8.376.284.337	9.904.973.940
Chi phí tài chính	22	23	11.854.664.705	9.533.238.126
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7.572.444.232	5.272.835.435
Chi phí bán hàng	25		18.355.996.031	17.554.803.661
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		20.012.975.384	19.476.284.636
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		72.391.431.772	54.829.997.872
Thu nhập khác	31	24	2.320.856.599	16.998.028
Chi phí khác	32		332.132.373	675.114.191
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.988.724.226	(658.116.163)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		74.380.155.998	54.171.881.709
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	11.811.424.730	10.563.543.345
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	26	967.125.712	(114.352.593)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		61.601.605.556	43.722.690.957

Ngày 12 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Su Yu Chun
 Su Yu Chun
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

Wang Ting Shu
 Wang Ting Shu
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		74.380.155.998	54.171.881.709
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		12.618.956.649	13.701.306.917
Các khoản dự phòng	03		(991.279.403)	574.327.103
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		271.370.935	1.015.391.897
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05		(5.507.911.758)	(6.669.168.886)
Chi phí lãi vay	06		7.572.444.232	5.272.835.435
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		88.343.736.653	68.066.574.175
Biến động các khoản phải thu	09		(81.392.567.388)	28.230.424.108
Biến động hàng tồn kho	10		(131.923.237.303)	23.640.352.733
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		78.575.954.600	(76.046.747.836)
Biến động chi phí trả trước	12		360.849.889	282.593.369
			(46.035.263.549)	44.173.196.549
Tiền lãi vay đã trả	14		(7.308.221.503)	(5.311.425.368)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(11.405.668.658)	(14.991.072.946)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.244.368.729)	(1.593.734.420)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(65.993.522.439)	22.276.963.815
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(13.275.103.618)	(15.216.285.804)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		552.363.637	15.500.000
Tiền chi gửi các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	23		(30.000.000.000)	(40.000.000.000)
Tiền thu từ rút các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	24		70.000.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27		5.497.437.005	6.229.891.112
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		32.774.697.024	(48.970.894.692)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33		679.564.987.862	380.114.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn	34		(636.653.038.960)	(390.457.500.000)
Tiền chi trả cổ tức	36		(21.353.685.072)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		21.558.263.830	(10.343.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(11.660.561.585)	(37.037.430.877)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		106.553.078.212	143.590.509.089
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	94.892.516.627	106.553.078.212

Ngày 12 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Su Yu Chun
 Su Yu Chun
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

Wang Ting Shu
 Wang Ting Shu
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh, sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, cáp, động cơ và máy bơm cho thị trường Việt Nam và nước ngoài.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam (“Trụ sở chính”). Vào ngày 16 tháng 5 năm 2003, Công ty đã thành lập Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương (“Chi nhánh”), bắt đầu hoạt động vào tháng 1 năm 2005 tại Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 414/GPĐC1-BKH-KCN-ĐN do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Trụ sở chính có 292 nhân viên (1/1/2017: 296 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này được Trụ sở chính lập và không bao gồm báo cáo tài chính của Chi nhánh. Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) cũng lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 cho Công ty (bao gồm Chi nhánh) và cần được đọc đồng thời cùng với báo cáo tài chính đính kèm.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Trụ sở chính là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Trụ sở chính là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Trụ sở chính áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Trụ sở chính áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà xưởng và cấu trúc	7 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ trang bị văn phòng	5 – 8 năm
▪ tài sản khác	2 – 7 năm

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí máy móc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) *Phí hội viên câu lạc bộ golf*

Phí hội viên câu lạc bộ golf được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 37 đến 40 năm.

(ii) *Công cụ và dụng cụ*

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Trụ sở chính nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Trụ sở chính có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông thể hiện theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (Cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó phát hành lại, giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Trụ sở chính nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Trụ sở chính và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các bên liên quan bao gồm Chi nhánh Hải Dương, các cổ đông và các công ty mẹ cấp cao, các công ty con và các công ty liên kết của các cổ đông này.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	395.887.000	909.391.000
Tiền gửi ngân hàng	24.496.629.627	25.643.687.212
Các khoản tương đương tiền	70.000.000.000	80.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	94.892.516.627	106.553.078.212

5. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty TNHH Điện tử Nec Tokin Việt Nam	37.006.554.332	27.059.037.284
Công ty TNHH Sản phẩm Công nghiệp Toshiba Asia	50.394.780.301	26.218.479.533
Các khách hàng khác	121.957.518.340	86.105.248.236
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn	209.358.852.973	139.382.765.053

6. Hàng tồn kho

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	42.501.726.585	-	39.807.799.274	-
Nguyên vật liệu	52.994.525.598	(164.759.468)	17.791.959.596	-
Sản phẩm dở dang	43.525.472.821	(265.656.583)	3.334.419.749	(130.314.902)
Thành phẩm	130.887.610.223	(1.162.716)	77.051.919.305	(1.292.543.268)
Hàng tồn kho	269.909.335.227	(431.578.767)	137.986.097.924	(1.422.858.170)

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	1.422.858.170	848.531.067
Tăng dự phòng trong năm	363.959.166	1.830.943.231
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.355.238.569)	(1.256.616.128)
Số dư cuối năm	<u>431.578.767</u>	<u>1.422.858.170</u>

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 0,11 tỷ VND (1/1/2017: 21,61 tỷ VND) thành phẩm được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

7. Vốn kinh doanh cấp cho chi nhánh

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Vốn kinh doanh cấp cho Chi nhánh Hải Dương	<u>122.801.647.437</u>	<u>122.801.647.437</u>

Vốn kinh doanh cấp cho Chi nhánh là khoản ứng trước dài hạn cho Chi nhánh vào năm 2007 để tài trợ vốn cho hoạt động kinh doanh. Vốn kinh doanh này không hưởng lãi và được phản ánh theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng và cấu trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Trang bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	73.784.396.387	214.258.842.467	7.722.646.056	3.372.527.694	2.489.219.997	301.627.632.601
Tăng trong năm	-	713.000.000	1.175.014.546	92.727.273	-	1.980.741.819
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	12.297.915.918	1.937.789.091	-	-	14.235.705.009
Thanh lý	-	(5.076.077.905)	(1.465.320.400)	-	-	(6.541.398.305)
Số dư cuối năm	73.784.396.387	222.193.680.480	9.370.129.293	3.465.254.967	2.489.219.997	311.302.681.124
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	55.036.471.272	180.841.853.095	5.143.187.129	3.060.619.590	2.252.332.915	246.334.464.001
Khấu hao trong năm	2.013.399.614	9.779.534.171	580.031.000	108.571.464	54.602.400	12.536.138.649
Thanh lý	-	(5.076.077.905)	(1.465.320.400)	-	-	(6.541.398.305)
Số dư cuối năm	57.049.870.886	185.545.309.361	4.257.897.729	3.169.191.054	2.306.935.315	252.329.204.345
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	18.747.925.115	33.416.989.372	2.579.458.927	311.908.104	236.887.082	55.293.168.600
Số dư cuối năm	16.734.525.501	36.648.371.119	5.112.231.564	296.063.913	182.284.682	58.973.476.779

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 174,41 tỷ VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 142,75 tỷ VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	567.000.000
Tăng trong năm	433.078.800
	<hr/>
Số dư cuối năm	1.000.078.800
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	491.400.000
Khấu hao trong năm	82.818.000
	<hr/>
Số dư cuối năm	574.218.000
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	75.600.000
Số dư cuối năm	425.860.800
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 567 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: không), nhưng vẫn đang được sử dụng.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	8.815.448.752	7.463.686.491
Tăng trong năm	10.861.282.999	12.071.134.587
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(14.235.705.009)	(10.719.372.326)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	5.441.026.742	8.815.448.752
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công cụ và dụng cụ	757.724.710	686.134.613
Đồng phục	259.966.900	90.000.000
Chi phí khác	104.489.076	144.865.402
	1.122.180.686	921.000.015

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Phí hội viên câu lạc bộ golf VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	1.481.757.931	934.464.988	2.416.222.919
Phân bổ trong năm	(56.848.560)	(505.182.000)	(562.030.560)
	1.424.909.371	429.282.988	1.854.192.359

12. Phải trả người bán

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. – một bên liên quan	117.638.636.565	117.638.636.565	40.348.812.756	40.348.812.756
Công ty TNHH Điện cơ Teco (Việt Nam) – một bên liên quan	70.896.280	70.896.280	44.404.690	44.404.690
Các nhà cung cấp khác	10.990.653.093	10.990.653.093	11.453.968.150	11.453.968.150
	128.700.185.938	128.700.185.938	51.847.185.596	51.847.185.596

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 đến 60 ngày kể từ ngày hóa đơn.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Thuế

(a) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2017 VND	Phát sinh VND	Hoàn lại VND	Cán trừ VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	4.639.574.323	122.718.696.494	(29.409.574.527)	(82.937.162.279)	15.011.534.011

(b) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Cán trừ VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng		- 164.359.163.572	(81.422.001.293)	(82.937.162.279)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	264.955.110	11.811.424.730	(11.405.668.658)	-	670.711.182
Thuế thu nhập cá nhân	532.376.760	1.620.263.627	(1.760.913.402)	-	391.726.985
	797.331.870	177.790.851.929	(94.588.583.353)	(82.937.162.279)	1.062.438.167

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Vay ngắn hạn

	1/1/2017		Biến động trong năm			31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Hoàn trả VND	Đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	153.925.000.000	153.925.000.000	679.564.987.862	(636.653.038.960)	(11.019.294)	196.825.929.608	196.825.929.608

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Hạn mức tín dụng	Lãi suất năm	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng Hua Nan Commercial, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	4,5 triệu USD	SIBOR 6 tháng + 2%	45.900.000.000	63.798.000.000
Ngân hàng TNHH CTBC, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	6,0 triệu USD	SIBOR 6 tháng + 1,15%	33.500.000.000	18.228.000.000
Ngân hàng TNHH Indovina, Chi nhánh Đồng Nai (b)	1,5 triệu USD	SIBOR 6 tháng + 1%	10.020.945.508	11.392.500.000
Ngân hàng SinoPac, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	3,0 triệu USD	Chi phí huy động vốn + 1,5%	53.800.000.000	50.506.500.000
Ngân hàng Mega International Commercial, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	6,2 triệu USD	Chi phí huy động vốn + 1%	53.604.984.100	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank), Chi nhánh Đồng Nai (b)	65 tỷ VND	4,9% và có thể được điều chỉnh cho từng giao dịch	-	10.000.000.000
			196.825.929.608	153.925.000.000

- a. Các khoản vay này được bảo lãnh bởi Ông Shen Shang Pang, Chủ tịch.
b. Các khoản vay này không được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

15. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	279.013.770.637	(272.840.000)	28.364.116.167	47.908.065.279	355.013.112.083
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	9.374.908.357	(9.374.908.357)	-
Chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.593.734.420)	(1.593.734.420)
Chia cổ tức thông qua việc phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 17)	27.885.680.000	-	-	(27.885.680.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	43.722.690.957	43.722.690.957
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	306.899.450.637	(272.840.000)	37.739.024.524	52.776.433.459	397.142.068.620
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	7.319.816.054	(7.319.816.054)	-
Chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.244.368.729)	(1.244.368.729)
Cổ tức – 100% (Thuyết minh 17)	-	-	-	(36.816.698.400)	(36.816.698.400)
Cổ tức – 48% được trả từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Chi nhánh (Thuyết minh 17)	-	-	-	15.463.013.328	15.463.013.328
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	61.601.605.556	61.601.605.556
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	306.899.450.637	(272.840.000)	45.058.840.578	84.460.169.160	436.145.620.375

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	30.689.945	306.899.450.637	30.689.945	306.899.450.637
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.689.945	306.899.450.637	30.689.945	306.899.450.637
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(9.363)	(272.840.000)	(9.363)	(272.840.000)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.680.582	306.626.610.637	30.680.582	306.626.610.637

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có quyền ngang nhau đối với phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Cổ tức

Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 12 tháng 4 năm 2017 đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền với tổng số tiền là 36.817 triệu VND (1.200 VND một cổ phiếu) (2016: 27.886 triệu VND bằng cách phát hành 2.788.568 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND trên mỗi cổ phiếu cho 2.404 cổ đông hiện hữu).

Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị vào ngày 12 tháng 6 năm 2017, khoản cổ tức trên sẽ được trả thông qua lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Trụ sở chính và Chi nhánh với tỷ lệ lần lượt là 52% và 48%.

18. Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Trong vòng một năm	3.739.875.881	3.739.875.881
Trong vòng hai đến năm năm	13.667.636.022	14.372.291.022
Sau năm năm	60.957.352.683	63.992.573.564
	78.364.864.586	82.104.740.467

(b) Ngoại tệ

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	40.929	927.657.069	455.913	10.356.134.215

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2017 VND	2016 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.216.300.819.396	972.783.261.414
▪ Bán hàng hóa	415.495.868	408.796.697
▪ Bán phế liệu	8.800.809.170	6.580.463.200
	<hr/>	<hr/>
	1.225.517.124.434	979.772.521.311
	<hr/>	<hr/>

21. Giá vốn hàng bán

	2017 VND	2016 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	1.111.932.397.651	887.386.932.916
▪ Hàng hoá đã bán	337.222.631	321.910.937
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(991.279.403)	574.327.103
	<hr/>	<hr/>
	1.111.278.340.879	888.283.170.956
	<hr/>	<hr/>

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Lãi từ tiền gửi ngân hàng	4.955.548.121	6.653.668.886
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.420.736.216	3.251.305.054
	<hr/>	<hr/>
	8.376.284.337	9.904.973.940
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	7.572.444.232	5.272.835.435
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.282.220.473	4.260.402.691
	<hr/>	<hr/>
	11.854.664.705	9.533.238.126

24. Thu nhập khác

	2017 VND	2016 VND
Khoản bồi thường từ nhà cung cấp	1.768.492.962	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	552.363.637	15.500.000
Thu nhập khác	-	1.498.028
	<hr/>	<hr/>
	2.320.856.599	16.998.028

25. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.117.555.603.632	807.320.855.700
Chi phí nhân công và nhân viên	42.586.809.023	41.622.252.835
Chi phí khấu hao	12.618.956.649	13.701.306.917
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.254.315.204	29.702.137.535
Chi phí khác	34.839.231.920	18.505.167.195
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2017 VND	2016 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	11.811.424.730	9.923.028.427
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	640.514.918
	<hr/> 11.811.424.730	<hr/> 10.563.543.345
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	967.125.712	(114.352.593)
	<hr/> 12.778.550.442	<hr/> 10.449.190.752

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	74.380.155.998	54.171.881.709
Thuế tính theo thuế suất của Trụ sở chính	11.157.023.400	8.125.782.256
Chi phí không được khấu trừ thuế	847.642.806	1.032.510.085
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các khoản thu nhập khác và các dự án đầu tư mở rộng	773.884.236	650.383.493
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	640.514.918
	<hr/> 12.778.550.442	<hr/> 10.449.190.752

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư, Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các ưu đãi thuế trên không áp dụng đối với các khoản thu nhập từ các dự án mở rộng do Trụ sở chính đầu tư trước năm 2009 và sau năm 2015; các khoản thu nhập này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông. Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% từ năm 2016 trở đi.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan

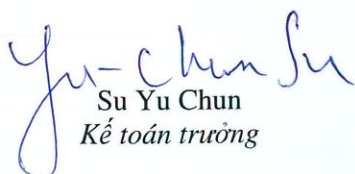
Trong năm và tại thời điểm cuối năm, Trụ sở chính có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	2017 VND	2016 VND	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd.				
Mua nguyên vật liệu	811.127.345.112	601.116.547.180	117.488.197.638	40.214.953.553
Phí bản quyền và phí UL (*)	1.716.233.295	1.331.197.260	150.438.927	133.859.203
Công ty TNHH Điện cơ Teco (Việt Nam)				
Mua nguyên vật liệu	297.208.241	297.376.248	70.896.280	44.404.690
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương				
Bán thành phẩm	2.920.679.219	4.135.489.604	-	-
Ban quản lý chủ chốt				
Thù lao cho thành viên Ban Giám đốc	1.036.551.500	896.669.350	-	-
Thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	1.244.368.729	1.593.734.420	-	-
Phí bảo lãnh trả cho Ông Shen Shang Pang – Chủ tịch	449.399.286	372.917.852	168.894.790	156.528.672

(*) Theo các thỏa thuận về bản quyền sử dụng nhãn hiệu và giấy chứng nhận UL giữa Trụ sở chính và Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. (một công ty liên quan), Trụ sở chính có quyền sử dụng nhãn hiệu và giấy chứng nhận UL của 13 sản phẩm thuộc sở hữu của Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. Cũng theo các thỏa thuận này, Trụ sở chính sẽ trả phí bản quyền bằng 0,1% trên doanh thu thuần và phí sử dụng giấy chứng nhận UL bằng 0,1% trên doanh thu thực sự phát sinh từ các sản phẩm này.

Ngày 12 tháng 3 năm 2018

Người lập:


 Su Yu Chun
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

 Wang Ting Shu
 Tổng Giám đốc

2-001-C
 HÁNH
 Y TNHH
 IG
 CHI M